

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY MẸ

NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		641,892,190,903	1,297,319,863,843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99,849,241,355	301,382,733,411
1. Tiền	111		95,949,241,355	173,733,983,411
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,900,000,000	127,648,750,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,376,791,095	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49,900,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(31,523,208,905)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		391,339,580,476	869,368,836,589
1. Phải thu khách hàng	131		66,066,421,422	6,265,206,894
2. Trả trước cho người bán	132		4,577,516,002	30,041,979,062
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		204,918,018,278	809,197,546,757
3. Các khoản phải thu khác	135	7	119,847,884,774	29,455,903,876
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4,070,260,000)	(5,591,800,000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	84,122,531,956	73,371,691,101
1. Hàng tồn kho	141		84,122,531,956	73,371,691,101
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48,204,046,021	53,196,602,742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45,000,000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47,997,201,766	52,136,024,168
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	581,811,269
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		161,844,255	478,767,311
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		909,187,877,288	950,057,676,350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,930,229,527	18,930,229,527
1. Phải thu nội bộ dài hạn	212		18,930,229,527	18,930,229,527
II. Tài sản cố định	220		143,730,529,393	118,685,434,394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	30,716,264,856	13,164,423,011
- Nguyên giá	222		64,049,449,901	37,005,175,658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,333,185,045)	(23,840,752,647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	100,264,961,541	98,568,133,545
- Nguyên giá	228		100,623,664,269	98,808,373,269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358,702,728)	(240,239,724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	12,749,302,996	6,952,877,838
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		563,273,403,305	468,795,043,285
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	420,413,446,056	376,179,582,059
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	30,859,957,249	16,500,000,000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	14	112,000,000,000	112,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(35,884,538,774)
III. Tài sản dài hạn khác	260		183,253,715,063	343,646,969,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	182,233,715,063	339,785,096,073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2,591,873,071
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,020,000,000	1,270,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,551,080,068,191	2,247,377,540,193

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		384,072,959,243	1,162,822,005,880
I. Nợ ngắn hạn	310		367,185,609,819	1,140,261,717,112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	50,027,681,743	498,653,689,992
2. Phải trả người bán	312		166,793,170,650	525,239,780,557
3. Người mua trả tiền trước	313		895,225,000	35,688,038,548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		24,213,185,673	1,252,237,921
5. Phải trả người lao động	315		12,492,674,687	18,719,547,463
6. Chi phí phải trả	316		562,296,753	1,690,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		43,568,746,838	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		36,130,986,770	36,007,097,360
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32,501,641,705	23,011,325,271
II. Nợ dài hạn	330		16,887,349,424	22,560,288,768
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	16,782,854,555	22,430,229,527
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		104,494,869	130,059,241
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,167,007,108,948	1,084,555,534,313
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1,167,007,108,948	1,084,555,534,313
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		32,781,896,511	21,375,272,138
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,150,605,990)	(2,812,000,000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		22,812,736	9,620,305,648
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		63,823,920,263	37,527,327,643
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		252,750,145,127	192,065,688,583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1,551,080,068,191	2,247,377,540,193

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011	31/12/2010
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Đồng	-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	-	-
3. Ngoại tệ các loại	USD	490,828.69	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 1 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND
Lũy kế 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2011	Quý 4/2010	Lũy kế 2011	Lũy kế 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		452,530,693,130	562,210,528,827	1,445,696,071,577	803,224,132,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		452,530,693,130	562,210,528,827	1,445,696,071,577	803,224,132,001
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		433,170,481,446	506,554,885,624	1,337,416,232,195	713,377,408,637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19,360,211,684	55,655,643,203	108,279,839,382	89,846,723,364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	81,795,807,036	72,762,335,835	279,895,166,250	254,644,784,101
7. Chi phí tài chính	22	20	26,299,548,906	36,800,613,363	85,239,592,183	81,679,192,819
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27,021,379,750	20,819,459,093	89,522,500,352	63,309,737,172
8. Chi phí bán hàng	24		8,453,008,035	19,804,867,661	35,563,734,672	29,111,961,221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15,438,695,700	18,076,153,013	55,978,388,995	45,875,397,971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		50,964,766,079	53,736,345,001	211,393,289,782	187,824,955,454
11. Thu nhập khác	31		681,132,202	2,545,457	63,230,778,380	404,724,637
12. Chi phí khác	32		8,547,197,455	2,940,454,043	8,939,928,379	3,136,612,074
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(7,866,065,253)	(2,937,908,586)	54,290,850,001	(2,731,887,437)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43,098,700,826	50,798,436,415	265,684,139,783	185,093,068,017
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	22,251,639,719	(1,061,472,415)	34,959,779,247	1,807,357,640
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(2,591,873,071)	2,591,873,071	(2,591,873,071)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20,847,061,107	51,859,908,830	228,132,487,465	185,877,583,448

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP HCM ngày 20 tháng 1 năm 2012



CAO THANH HÙNG

ĐÀO VĂN ĐẠI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

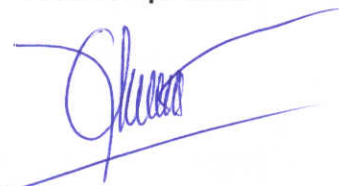
Năm 2011
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

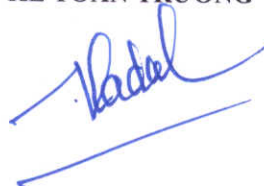
CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	265,684,139,783	185,093,068,017
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,349,012,316	2,190,035,810
Các khoản dự phòng	03	(5,882,869,869)	12,676,562,173
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22,812,736	(85,089,988,973)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(62,540,571,670)	
Chi phí lãi vay	06	62,501,120,602	63,309,737,172
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	263,133,643,898	178,179,414,199
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	474,328,870,434	39,515,229,025
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(10,750,840,855)	(73,371,691,101)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(339,565,584,005)	567,091,066,443
(Tăng) chi phí trả trước	12	157,506,381,010	(342,208,940,368)
Tiền lãi vay đã trả	13	(62,501,120,602)	(63,309,737,172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12,198,815,496)	(1,349,946,868)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,361,329,869	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(69,433,566,289)	(6,666,556,720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	404,880,297,964	297,878,837,438
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(15,292,751,844)	(4,321,023,752)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	895,909,091	404,715,822
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43,421,584,826)	(91,284,424,078)
6. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	16,975,300,780	25,969,895,553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40,843,126,799)	(69,230,836,455)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	219,938,142,250
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(477,000,000)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,035,683,222,064	1,924,824,340,119
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,489,956,605,285)	(2,048,947,054,077)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(111,297,280,000)	(66,244,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(565,570,663,221)	29,094,228,292
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(201,533,492,056)	257,742,229,275
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	301,382,733,411	43,640,504,136
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	99,849,241,355	301,382,733,411

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 1 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.487 (31 tháng 12 năm 2010: 2.338).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – Công ty phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí (PIMD) theo giấy phép kinh doanh 0300452060 – 014 ngày 05 tháng 02 năm 2011.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – Chi nhánh Miền Trung theo giấy đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300452060 – 016 ngày 18 tháng 04 năm 2011.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25-33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng. Đây là số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con là công ty TNHH một thành viên nếu có lãi sẽ thực hiện kết chuyển lợi nhuận trong kỳ về Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	656,471,900	82,285,325
Tiền gửi ngân hàng	95,292,769,455	173,651,698,086
Các khoản tương đương tiền	3,900,000,000	127,648,750,000
	<u>99,849,241,355</u>	<u>301,382,733,411</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV DV & Thương Mại DK (PST)	39,500,000,000
Công ty TNHH MTV DVTH Sài Gòn DK (PSG)	10,400,000,000
	<u>49,900,000,000</u>

Do ngày 26/12/2011 HĐQT Tổng Công ty đã có Quyết định số 313 & 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT về việc giải thể PSG và PST kể từ ngày 01/01/2012 nên chuyển hai khoản đầu tư này từ tài khoản đầu tư vào công ty con sang tài khoản đầu tư ngắn hạn

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	3,350,000,000	-
Lợi nhuận công ty con chuyển về	95,310,843,650	-
Các dự án thực hiện cho Tập đoàn	20,594,053,615	25,227,041,122
Phải thu khác	592,987,509	4,228,862,754
	<u>119,847,884,774</u>	<u>29,455,903,876</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	15,870,090,478
Hàng hoá	84,122,531,956	49,414,425,030
Hàng gửi bán	-	8,087,175,593
Cộng	84,122,531,956	73,371,691,101

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	27,392,945,211	2,059,064,373	5,412,187,896	2,140,978,178	37,005,175,658
Mua trong năm	-	-	2,196,131,922	1,438,473,824	3,634,605,746
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13,477,765,245	-	-	-	13,477,765,245
Điều chỉnh khác	(4,175,764,798)	2,792,070,181	-	249,811,145	(1,133,883,472)
Điều chuyển	12,830,711,732	-	-	-	12,830,711,732
Thanh lý	-	-	(1,764,925,008)	-	(1,764,925,008)
Tại ngày 31/12/2011	49,525,657,390	4,851,134,554	5,843,394,810	3,829,263,147	64,049,449,901
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	18,372,347,949	1,846,051,186	2,826,521,167	795,832,345	23,840,752,647
Khấu hao trong năm	1,379,998,215	552,354,682	650,672,524	741,915,830	3,324,941,251
Điều chỉnh khác	(94,391,939)	-	-	-	(94,391,939)
Điều chuyển	7,650,398,320	-	-	-	7,650,398,320
Thanh lý	-	-	(1,388,515,234)	-	(1,388,515,234)
Tại ngày 31/12/2011	27,308,352,545	2,398,405,868	2,088,678,457	1,537,748,175	33,333,185,045
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	22,217,304,845	2,452,728,686	3,754,716,353	2,291,514,972	30,716,264,856
Tại ngày 31/12/2010	9,020,597,262	213,013,187	2,585,666,729	1,345,145,833	13,164,423,011

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.831.004.461 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	98,337,309,381	471,063,888	98,808,373,269
Tăng trong năm	1,775,291,000	40,000,000	1,815,291,000
Tại ngày 31/12/2011	100,112,600,381	511,063,888	100,623,664,269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	240,239,724	240,239,724
Khấu hao trong năm	-	118,463,004	118,463,004
Tại ngày 31/12/2011	-	358,702,728	358,702,728
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2011	100,112,600,381	152,361,160	100,264,961,541
Tại ngày 31/12/2011	98,337,309,381	230,824,164	98,568,133,545

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12,749,302,996	6,952,877,838
<i>Trong đó:</i>		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	12,026,732,325	1,504,192,779
Cải tạo khách sạn Holiday Mansion	-	3,673,394,059
Dự án 41D Vũng Tàu	31,579,510	-
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202,211,970	1,775,291,000
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	488,779,191	-
	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6,952,877,838	68,505,294,840
Tăng trong năm	23,999,383,298	30,166,951,644
Kết chuyển sang tài sản cố định	13,477,765,245	-
Giảm khác	4,725,192,895	90,957,972,145
Số dư cuối kỳ	12,749,302,996	7,714,274,339

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sát nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Petrosetco Phân phối”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “PSMT”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 89% vốn điều lệ tương ứng với 95.23 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (gọi tắt là “PSA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PSA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 88.2% vốn điều lệ tương ứng với 59,9 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (gọi tắt là “PSP”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (gọi tắt là “PSSSG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (gọi tắt là “Smartcom”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310864017 ngày 19 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp 50% vốn điều lệ và gián tiếp 10% vốn điều lệ thông qua Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
	31/12/2011	31/12/2011		
	VND	VND	%	%
Công ty CP DV Phân phối TH DK (PSD)	120,000,000,000	113,700,000,000	94.75%	94.75%
Công ty TNHH MTV TM & DV Dk Biển (POTS)	30,000,000,000	31,681,662,678	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV DVTM DK Hà Nội (KSHN)	18,410,685,729	30,362,282,732	100.00%	100.00%
Công ty CP DVTH DK Vũng Tàu (PSV)	60,000,000,000	47,893,699,232	77.59%	77.59%
Công ty CP TMDV DK Miền Trung (PSMT)	107,000,000,000	95,230,000,000	89.00%	89.00%
Công ty CP QL & KT tài sản DK (PSA)	68,000,000,000	66,160,637,417	88.20%	88.20%
Công ty CP Bao bì DK Việt Nam (PSP)	40,000,000,000	20,400,000,000	51.00%	51.00%
Công ty TNHH 2TV Petrosetco - SSG (PSSSG)	450,000,000,000	9,985,163,997	51.00%	51.00%
Công ty CP Hội tụ Thông minh (Smartcom)	10,000,000,000	5,000,000,000	60.00%	60.00%
	953,310,685,729	420,413,446,056		

- Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 51%.

- Tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Smartcom là 60% (nắm giữ trực tiếp 50% và gián tiếp 10% thông qua Petrosetco Phân phối).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí	16,500,000,000	16,500,000,000
Khách sạn Petrotower Vũng Tàu	14,359,957,249	
	30,859,957,249	16,500,000,000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Khách sạn PetroTower Vũng Tàu	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Khách sạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Petrotower	PV Building
	31/12/2011	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	293,522,232,401	218,116,320,504
Tổng nợ phải trả	227,929,839,603	155,127,472,535
Tài sản thuần	65,592,392,798	62,988,847,969
Phần tài sản thuần trong Công ty liên kết	15,742,174,271	18,896,654,391
	2011	2011
	VND	VND
Doanh thu	49,521,341,374	395,091,558,175
Lợi nhuận thuần	9,483,977,313	5,430,183,333
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	2,276,154,555	1,629,055,000

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 112.000.000.000 VND.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	176,592,976,755	339,785,096,073
Chi phí trả trước khác	5,640,738,308	-
	182,233,715,063	339,785,096,073

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	41,283,178,771	213,931,600,000
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	277,140,531,020
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8,744,502,972	7,581,558,972
	50,027,681,743	498,653,689,992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5,434,184,000	3,500,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,348,670,555	18,930,229,527
	<u>16,782,854,555</u>	<u>18,930,229,527</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn.

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển:	10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6% lợi nhuận sau thuế

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<u>31/12/2011</u>		<u>31/12/2010</u>
	<u>Số tiền</u>	<u>%</u>	<u>Số tiền</u>
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000
	<u>698,420,000,000</u>	<u>100</u>	<u>698,420,000,000</u>
			<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	554,720,000,000	52,120,798,051	12,669,047,040	(2,335,000,000)	(2,862,486,419)	20,114,877,446	117,426,051,554	751,853,287,672
Phát hành cổ phiếu	143,700,000,000	76,238,142,250	-	-	-	-	-	219,938,142,250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(477,000,000)	-	-	(66,244,200,000)	(66,244,200,000)
Trích lập các quỹ	-	-	8,706,225,098	-	-	17,412,450,197	(44,993,746,419)	(477,000,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	2,862,486,419	-	-	(18,875,071,124)
Chênh lệch tỉ giá tại thời điểm cuối kỳ	-	-	-	-	9,620,305,648	-	-	2,862,486,419
Số dư tại ngày 31/12/2010	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(2,812,000,000)	9,620,305,648	37,527,327,643	192,065,688,583	1,084,555,534,313
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	228,132,487,465	228,132,487,465
Trích trong năm	-	-	11,406,624,373	-	-	26,296,592,620	-	37,703,216,993
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(111,297,279,400)	(111,297,279,400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6,338,605,990)	-	-	-	(6,338,605,990)
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	22,812,736	-	-	22,812,736
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(56,150,751,521)	(56,150,751,521)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(9,620,305,648)	-	-	(9,620,305,648)
Số dư tại ngày 31/12/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	32,781,896,511	(9,150,605,990)	22,812,736	63,823,920,263	252,750,145,127	1,167,007,108,948

(i) Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16%, tương ứng 111.297.280.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	127,911,768,277	90,336,154,632
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,406,068,351	270,502,337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,938,059,316	-
Lãi bán ngoại tệ	1,030,859,935	-
Lợi nhuận từ các công ty con	146,608,410,371	164,038,127,132
	279,895,166,250	254,644,784,101

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	89,522,500,352	63,309,737,172
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78,421,700	2,387,601,377
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4,361,329,869)	15,081,154,271
Chi phí tài chính khác	-	900,699,999
	85,239,592,183	81,679,192,819

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	265,684,139,783	185,093,068,017
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>10,392,125,524</i>	<i>9,621,446,141</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	10,392,125,524	1,756,146,046
- Điều chỉnh hồi tố lợi thế thương mại	-	7,865,300,095
Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	-	10,367,492,280
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>126,946,469,687</i>	<i>190,623,145,317</i>
- Chuyển lỗ các năm trước	-	5,781,633,681
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	125,008,410,371	164,038,127,132
- Dự phòng đầu tư vào công ty con 2008, 2009	-	20,803,384,504
- Cổ tức nhận được	1,938,059,316	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	149,129,795,620	14,458,861,121
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	<i>18,581,357,264</i>	<i>16,294,584,534</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>130,548,438,356</i>	<i>(1,835,723,413)</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34,959,779,247	1,807,357,640
Thuế TN hoãn lại	-	(2,591,873,071)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong năm	34,959,779,247	(784,515,431)

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm 2011 là năm cuối cùng Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.619,37m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 1 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ